

我 6 点起床，7 点吃早餐，8 点上学。  
12 点吃午餐，下午 4 点放学，5 点运动。  
晚上 6 点吃晚餐，7 点做作业，8 点洗澡，9 点睡觉。

Wǒ 6 diǎn qǐchuáng, 7 diǎn chī zǎocān, 8 diǎn shàng xué.  
12 diǎn chī wǔcān, xiàwǔ 4 diǎn fàng xué, 5 diǎn yùndòng.  
Wǎnshàng 6 diǎn chī wǎncān, 7 diǎn zuò zuòyè, 8 diǎn xǐ zǎo, 9 diǎn shuìjiào.

My Daily Schedule			
6:00 am		7:00 am	
8:00 am		12:00 am	
4:00 pm		5:00 pm	
6:00 pm		7:00 pm	
8:00 pm		9:00 pm	